TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/**2024/HNGĐ- ST
Ngày: 09/4/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Phương.**

Bà **Lò Thị Vinh.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Bùi Tiến Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. NguY đơn: Chị **Lò Thị T**; sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên toà).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T1**; sinh năm: 1995.

HKTT: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại C10, Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2023 và trong quá trình xét xử nguY đơn chị Lò Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/6/2017, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng anh chị có hạnh phúc sau đó đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn nguY nhân chính là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, sau đó anh T1 bị công an huyện Đ bắt và bị Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 04 năm tù về tội "Dâm ô đối đối với người dưới 16 tuổi", hiện đang chấp hành án tại: Phân trại C10,

Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị T đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T1.

2. Về con chung; con riêng: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T1 không có con chung; Về con riêng: Chị T có 02 người con riêng là cháu Lường Văn D; sinh ngày 17/6/2008 và cháu Lường Thị Thu Q; sinh ngày 27/9/2010. Chị T trình bày vì là con riêng của chị T nên sau khi ly hôn chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị T cho anh Lò Văn T1 biết để anh T1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại bản tự khai đề ngày 13/3/2024 bị đơn anh Lò Văn T1 trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh T1 và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/6/2017, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó đến năm 2022 anh T1 bị công an huyện Đ bắt và bị Toà án nhân dân huyện Đ xử phạt 04 năm tù về tội "Dâm ô đối đối với người dưới 16 tuổi", hiện đang chấp hành án tại: Phân trại C10, Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T làm đơn khởi kiện ly hôn với anh T1. Quan điểm của anh T1 là đồng ý ly hôn với chị T. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn cho vợ chồng anh chị.

2. Về con chung; con riêng: Anh T1 và chị T không có con chung; Về con riêng: Chị T có 02 người con riêng là cháu Lường Văn D; sinh ngày 17/6/2008 và cháu Lường Thị Thu Q; sinh ngày 27/9/2010. Quan điểm của anh T1, con riêng của chị T thì chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không đề nghị Toà án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh T1 khai không có.

Hiện anh T1 đang chấp hành hình phạt tù trong Trại giam nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên cho anh vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Toà án.

Tại phiên tòa nguY đơn chị Lò Thị T vẫn giữ nguY quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T1 và giải quyết quan hệ con riêng theo nội dung đơn xin ly hôn chị T đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguY đơn: Ngày 09/11/2023 chị Lò Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn T1 có địa chỉ tại bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, hiện nay đang chấp hành án tại: Phân trại C10, Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Ngày 22/12/2023 chị T có đơn xin miễn án phí vì chị là Người dân tộc thiểu số, gia đình có sổ hộ nghèo. Theo quy định của pháp luật chị T thuộc trường hợp được miễn án phí DSST. Ngày 25/12/2023 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh Lò Văn T1 đang chấp hành án trong trại giam nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T1 xin đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T1 kết hôn vào ngày 09/6/2017 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Sau đó anh T1 bị Tòa án huyện Đ xử phạt mức án 04 năm tù về tội "Dâm ô đối đối với người dưới 16 tuổi", hiện đang chấp hành án tại: Phân trại C10, Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Tại biên bản tự khai đề ngày 13/3/2024, anh T1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly T và bản T lại đang chấp hành án, anh T1 không làm tròn trách nhiệm của người chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T.

***[2.2] Xét về con chung*:** Chị T và anh T1 không có con chung.

***[2.3] Xét về con riêng*:** Chị T có 02 người con riêng là cháu Lường Văn D; sinh ngày 17/6/2008 và cháu Lường Thị Thu Q; sinh ngày 27/9/2010. Chị T có nguyện vọng vì các cháu là con riêng của chị, nên sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Quan điểm của anh T1 vì các cháu là con riêng của chị T nên anh T1 hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lường Văn D; sinh ngày 17/6/2008 và cháu Lường Thị Thu Q đều là con riêng của chị T để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao các con riêng cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị T là đồng bào dân tộc thiểu số. Gia đình chị thuộc hộ nghèo tại địa phương (có sổ hộ nghèo), chị T có đơn xin miễn án phí. HĐXX chấp nhận miễn án phí DSST cho chị Lò Thị T.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T với anh Lò Văn T1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về con riêng: Giao các con riêng là cháu Lường Văn D; sinh ngày 17/6/2008 và cháu Lường Thị Thu Q; sinh ngày 27/9/2010 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

4. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

5. Về án phí: Miễn 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lò Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án (ngày 09/4/2024).

Anh Lò Văn T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

<u>Nơi nhận</u>:
- VKSND HĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã S, HĐB, tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS HĐB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan